CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT/*THIEN VIET ASSET MANAGEMENT* **QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 3/*THIEN VIET GROWTH FUND 3***	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom - Happiness***
Số/*No.*: 3103/2025-TVGF3.BCTC	TP. Hồ Chí Minh, ngày *31 tháng 03 năm 2025* *Ho Chi Minh City, day 31 month 03 year 2025*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/*Ho Chi Minh Stock Exchange*

1. Tên Công ty Quản lý quỹ/*Name of Fund management company*:
Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Thiên Việt/*Thien Viet Asset Management JSC (TVAM)*

- Tên Quỹ đóng/*Fund name:* Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 3/*Thien Viet Growth Fund 3*
- Mã chứng khoán/*Securities code*: **FUCTVGF3**
- Địa chỉ trụ sở chính/*Address*: Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM
  Head office: 9th Floor, Bitexco Nam Long Building, 63A Vo Van Tan Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City.
- Điện thoại/*Telephone*: 028 6299 2090 Fax: 028 6299 2103

2. Nội dung thông tin công bố/*Content of Information disclosure*:
Báo cáo tài chính của quỹ năm 2024
Financial Report for 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Thiên Việt vào ngày 31/03/2025 tại đường dẫn: http://tvam.vn/
This information was disclosed on Thien Viet Asset Management Potral on date March 31st, 2025 Available at: http:// tvam.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.
We would declare to be fully responsible for the accuracy of the above information.

Tài liệu đính kèm: Báo cáo tài chính của quỹ năm 2024.
Attachment: Financial Report for 2024.

Đại diện Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Representative of Thien Viet Asset Management
Người đại diện theo pháp luật/Người được UQ CBTT
Legal representative/Party authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT
QUẬN 3 - T.PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng/*Chief Accountant*

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 3

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 3

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin chung về Quỹ	1
Công bố trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với báo cáo tài chính	2
Phê chuẩn báo cáo tài chính của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 10
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	11
Báo cáo kiểm toán độc lập	12 - 13
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - QĐT)	14
Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu số B 02 - QĐT)	15
Báo cáo tài sản (Mẫu số B 05 - QĐT)	16
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng (Mẫu số B 06 - QĐT)	17
Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu số B 07 - QĐT)	18
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 04 - QĐT)	19 - 36

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 3

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng	Số 69/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 9 tháng 6 năm 2021.
Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng	Số 35/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 16 tháng 8 năm 2021 và có thời hạn trong 5 năm kể từ ngày ký.
Ban Đại diện Quỹ	Ông Nguyễn Văn Ngọc — Chủ tịch Ông Nguyễn Hữu Duy — Thành viên Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền — Thành viên Bà Nguyễn Thị Anh Tú — Thành viên Bà Bùi Thị Trang — Thành viên
Công ty Quản lý Quỹ	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Ngân hàng Giám sát	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
Trụ sở đăng ký	Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 3

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3 ("Quỹ") tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động và tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở Quỹ hoạt động liên tục trừ khi giả định Quỹ hoạt động liên tục là không phù hợp.

Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ với mức độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2, Thuyết minh 3 và Thuyết minh 4 của báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền cho Ông Nguyễn Duy Quang là Giám đốc Quản lý Quỹ để phê duyệt và ký báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Thư Ủy quyền ngày 20 tháng 7 năm 2023.

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 3

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo đây, Ban Đại diện Quỹ của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3 ("Quỹ") phê chuẩn báo cáo tài chính của Quỹ đính kèm từ trang 14 đến trang 36. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động và tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ đóng theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2005 về chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ

Nguyễn Văn Ngọc
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 3

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 3 ("QUỸ")

1.1 Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu của Quỹ được đặt ra phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, NAV của Quỹ giảm 13,58% so với NAV của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, trong khi giá trị danh mục đầu tư của Quỹ giảm 13,02% so với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1.3 Chiến lược đầu tư và hạn chế đầu tư

Chiến lược đầu tư của Quỹ

Đầu tư vào những doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh cốt lõi bền vững: những doanh nghiệp mà Quỹ đầu tư phải tập trung khoảng 60% nguồn lực vào hoạt động kinh doanh chính, hoạt động ổn định với thị phần cao và sản phẩm có sức cạnh tranh lớn.

Đầu tư vào những doanh nghiệp có cơ hội tăng trưởng cao: Quỹ tìm kiếm để đầu tư vào các doanh nghiệp còn năng lực sản xuất và có khả năng mở rộng thị phần, thị trường rộng lớn, luôn tìm kiếm cơ hội để phát triển thêm những sản phẩm và dịch vụ mới nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng cao.

Đầu tư vào những doanh nghiệp có lợi thế cạnh tranh dài hạn: lợi thế cạnh tranh là yếu tố quyết định khả năng công ty tồn tại trong môi trường chung khó khăn và phát triển mạnh khi nền kinh tế phục hồi. Doanh nghiệp có thể tổ chức hoạt động với chi phí thấp, có sản phẩm mang thương hiệu mạnh luôn là doanh nghiệp chiếm ưu thế trong môi trường cạnh tranh khốc liệt.

Tập trung vào doanh nghiệp với đội ngũ lãnh đạo nhiều kinh nghiệm và minh bạch: kinh nghiệm và tố chất của ban lãnh đạo là yếu tố quan trọng hàng đầu khi lựa chọn đầu tư vào doanh nghiệp niêm yết. Kinh nghiệm dày dặn trong thương trường, rõ ràng trong tổ chức kinh doanh và công bố thông tin rõ ràng đóng góp nhiều vào sự tăng trưởng lợi nhuận và thu hút đầu tư.

Quỹ được phép đầu tư vào các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:

a) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam;
e) Trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu của công ty cổ phần, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn;
f) Các chứng khoán khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a và điểm b ở trên tại các ngân hàng thương mại đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 3 (tiếp theo)

1.3 Chiến lược đầu tư và hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư của Quỹ

1. Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:

   a) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
   b) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các loại chứng khoán và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b mục 1.3 của báo cáo này được phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
   c) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f mục 1.3 của báo cáo này mà phát hành bởi một tổ chức hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau; thuộc các trường hợp sau đây: Công ty mẹ, công ty con, các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau, nhóm công ty con có cùng công ty mẹ.
   d) Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào bất động sản và các tài sản tài chính quy định tại điểm e mục 1.3 của báo cáo này;
   e) Không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay, bảo lãnh cho các khoản vay, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a mục 1.3 của báo cáo này; không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán), bán khống (cho vay chứng khoán để bán);
   f) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó.

2. Công ty Quản lý Quỹ không được vay để tài trợ cho hoạt động của Quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.

3. Trừ trường hợp quy định tại điểm e, f của khoản 1 mục này, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười phần trăm (10%) so với các hạn chế đầu tư quy định tại khoản 1 của mục này và chỉ do các nguyên nhân sau:

   a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
   b) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
   c) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, mua cổ phiếu quỹ, chào mua công khai chứng khoán của các tổ chức phát hành;
   d) Quỹ mới được đăng ký thành lập hoặc tăng vốn hoặc tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ, mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ điều chỉnh có hiệu lực;
   e) Quỹ đang trong thời gian thanh lý tài sản để giải thể.

4. Trong thời hạn ba (3) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại khoản 3 Mục này, Công ty Quản lý Quỹ phải hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư của Quỹ, bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 1 Mục này.

5. Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, thì phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 3 (tiếp theo)

1.3 Chiến lược đầu tư và hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư của Quỹ (tiếp theo)

6. Khi thực hiện các giao dịch mua, bán tài sản cho Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định sau:

   a) Đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại các sở giao dịch chứng khoán, các giao dịch phải được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của các sở giao dịch chứng khoán;
   b) Đối với các tài sản không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch, hoặc trong các giao dịch thỏa thuận, Công ty Quản lý Quỹ phải lấy ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ về khoảng giá dự kiến thực hiện, thời điểm giao dịch, đối tác, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch.

1.4 Phân loại Quỹ

Quỹ là quỹ đại chúng dạng đóng.

1.5 Thời điểm bắt đầu hoạt động và thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số 35/GCN-UBCK ngày 16 tháng 8 năm 2021.

Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là 5 năm.

1.6 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, NAV của Quỹ là 208.044.899.253 Đồng Việt Nam, số lượng chứng chỉ Quỹ ("CCQ") là 19.900.800 CCQ.

1.7 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Lợi tức của Quỹ được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Lợi tức của Quỹ chỉ được phân phối trong trường hợp Quỹ có lợi nhuận thực hiện là số dương. Lợi tức Quỹ có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật.

Nếu xét thấy phù hợp, dựa trên đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ, Ban Đại diện Quỹ có thể quyết định tạm ứng cho nhà đầu tư một mức lợi tức nhất định mà lợi nhuận hoặc Quỹ dự trữ khác của Quỹ cho phép sau khi đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua mức lợi tức hàng năm.

1.8 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một chứng chỉ quỹ ở thời điểm báo cáo

Trong Quý II năm 2024, Quỹ đã thực hiện chi trả lợi nhuận bằng tiền với tỷ lệ 10%/mệnh giá (1 chứng chỉ quỹ nhận được 1.000 Đồng) cho nhà đầu tư. Thông tin đã được công bố tại Thông báo số 927/TB-SGDHCM ngày 7 tháng 5 năm 2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 15 tháng 5 năm 2024, ngày đăng ký cuối cùng là ngày 16 tháng 5 năm 2024 và lợi nhuận đã được thanh toán vào ngày 3 tháng 6 năm 2024.

2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1 Cơ cấu tài sản của Quỹ

	Tại ngày	
	31/12/2024	31/12/2023
	%	%
1. Danh mục chứng khoán	96,17	86,95
2. Tiền	2,99	7,91
3. Tài sản khác	0,84	5,14
Tổng cộng	100,00	100,00

2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động của Quỹ

	Tại ngày/Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2024	31/12/2023
1. NAV của Quỹ (VND)	208.044.899.253	240.727.139.205
2. Tổng số CCQ đang lưu hành (số lượng)	19.900.800	19.900.800
3. NAV của 1 đơn vị CCQ (VND)	10.454	12.096
4. NAV cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	12.944	13.018
5. NAV thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	9.820	9.447
6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND)	16.800	14.500
7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	16.800	16.800
8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	11.300	13.050
9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ (%) (*)	(13,58)	31,97
9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	*(10,32)*	*19,79*
9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (tính trên thu nhập đã thực hiện)	*(3,26)*	*12,18*
10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND)	1.000	-
11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND)	971	-
12. Ngày chốt quyền	16/5/2024	Không có
13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%) (**)	1,61	1,86
14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	126	146

(*) Tỷ lệ tăng trưởng này đã bao gồm các lần phân phối thu nhập của Quỹ cho nhà đầu tư qua các thời kỳ. Được tính theo công thức sau:

$$\text{Tổng tăng trưởng} = \frac{\text{NAV của 1 CCQ cuối năm}}{\text{NAV của 1 CCQ đầu năm}} - 1$$

$$\text{Tăng trưởng thu nhập} = \frac{\text{Kết quả hoạt động đã thực hiện/Số lượng CCQ cuối năm}}{\text{NAV của 1 CCQ đầu năm}}$$

$$\text{Tăng trưởng vốn} = \text{Tổng tăng trưởng} - \text{Tăng trưởng thu nhập}$$

(**) Chỉ tiêu này được tính bằng cách lấy tổng chi phí hoạt động trong năm chia cho NAV bình quân trong năm.

2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/1 CCQ (%) (*)	Tăng trưởng NAV/1 CCQ hàng năm (%) (*)
1 năm	(13,58)	(13,58)
Từ khi thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	4,54	1,32

(*) Tỷ lệ tăng trưởng này đã bao gồm các lần phân phối thu nhập của Quỹ cho nhà đầu tư qua các thời kỳ.

2.4 Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	(13,58)	31,97

3 MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2024 đã trải qua nhiều biến động và chịu áp lực từ diễn biến phức tạp của tình hình trong nước và thế giới. Kết thúc năm, chỉ số VN-Index đạt 1.166,8 điểm, tăng 12,1% YoY; trong khi đó chỉ số HNX-Index đạt 227,4 điểm, giảm nhẹ 1,6% YoY. Vốn hóa toàn thị trường đạt hơn 7,2 triệu tỷ đồng, tăng gần 23% so với năm 2023. Giá trị giao dịch bình quân đạt 21 ngàn tỷ đồng/phiên, tăng 19,5% so với bình quân năm 2023. Tại thời điểm cuối năm 2024, VN-Index đang giao dịch ở mức P/E là 14,9 lần và P/B là 1,7 lần.

Trong năm 2024, thị trường chịu áp lực bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài xuyên suốt cả năm và đặc biệt gia tăng vào những thời điểm tỷ giá căng thẳng. Khối ngoại đã bán ròng hơn 90 ngàn tỷ đồng trên sàn HoSE, nếu tính chung cả thị trường, khối này đã bán ròng gần 93 ngàn tỷ đồng, gấp gần bốn lần mức của năm 2023 và là mức bán ròng kỷ lục trong lịch sử thị trường chứng khoán Việt Nam. Tại ngày 31/12/2024, tỉ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu trong nước đã giảm xuống mức thấp nhất trong 10 năm qua về 12,8% tính trên 3 sàn và 16,8% nếu chỉ tính trên HoSE.

4 CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	(3,26)	23,28
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	(10,32)	(18,74)
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	(13,58)	4,54
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	(13,58)	1,32
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Chưa phát sinh	Chưa phát sinh
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	15,86	68,00

Thay đổi NAV:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tỷ lệ thay đổi %
NAV của Quỹ	208.044.899.253	240.727.139.205	(13,58)
NAV trên 1 đơn vị CCQ	10.454	12.096	(13,58)

4 CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

4.2 Thống kê về nhà đầu tư nắm giữ CCQ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ %
Dưới 5.000	97	43.100	0,21
Từ 5.000 – 10.000	4	39.700	0,20
Từ 10.000 – 50.000	8	264.000	1,33
Từ 50.000 – 500.000	16	3.014.000	15,15
Trên 500.000	6	16.540.000	83,11
Tổng cộng	**131**	**19.900.800**	**100,00**

5 THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Năm 2025, dù vẫn đối mặt với một số rủi ro vĩ mô toàn cầu như diễn biến khó lường của chỉ số DXY và các chính sách thuế quan, thị trường chứng khoán Việt Nam được kỳ vọng vẫn có sự khởi sắc nhờ vào các động lực tăng trưởng nội tại. Cụ thể là:

- GDP tiếp tục duy trì tăng trưởng quanh mức 6,5% - 7% phản ánh tiềm năng phục hồi mạnh mẽ của sản xuất, thương mại và tiêu dùng nội địa.
- Chính sách tiền tệ được kỳ vọng vẫn theo hướng linh hoạt, hỗ trợ đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2025. Theo đó, tín dụng được kỳ vọng vẫn tăng trưởng 16%, trong khi Ngân hàng Nhà nước vẫn nỗ lực để duy trì môi trường lãi suất ổn định.
- Ngành bất động sản hồi phục sau khi các luật và nghị định về tháo gỡ vướng mắc pháp lý đi vào hiệu lực và triển khai đồng bộ.
- Tăng trưởng lợi nhuận 2025 của các doanh nghiệp tiếp tục là động lực cho thị trường, hỗ trợ bởi mặt bằng lãi suất thấp, thị trường bất động sản phục hồi thúc đẩy tăng trưởng tín dụng và tiêu dùng.
- Đầu tư công sẽ tiếp tục được đẩy mạnh khi Chính phủ đang tập trung nguồn lực tháo gỡ các vướng mắc pháp lý, song song với việc đẩy mạnh hoàn thiện các công trình trọng điểm như tuyến cao tốc Bắc-Nam giai đoạn 2, sân bay Long Thành, tuyến đường sắt Bắc Nam.
- Triển vọng nâng hạng thị trường chứng khoán khi Việt Nam đã đáp ứng 7/9 tiêu chí nâng hạng của FTSE. Hiện tại, UBCK nhà nước đang tích cực làm việc với FTSE Russell và các nhà đầu tư nước ngoài để ghi nhận các ý kiến đánh giá, với tham vọng có thể nâng hạng TTCK lên Thị trường mới nổi thứ cấp vào tháng 3/2025 và không muộn hơn tháng 9/2025.

6 THÔNG TIN KHÁC

Nhân sự điều hành của Quỹ gồm có:

- Ông Trần Vinh Quang, Cử nhân Tài chính, ACCA (Hiệp hội kế toán công chứng Anh), CFA (Hiệp hội chuyên viên phân tích tài chính Mỹ). Ông hiện là Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("TVAM").
- Ông Nguyễn Duy Quang, Cử nhân Kinh tế. Ông hiện là Giám đốc Quản lý quỹ của TVAM.

Ban Đại diện Quỹ gồm có:

- Ông Nguyễn Văn Ngọc, Chủ tịch, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh. Ông từng giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty Xây lắp Hóa chất thuộc Bộ Công nghiệp từ tháng 1 năm 1991 đến tháng 1 năm 2013, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp H36 từ tháng 2 năm 2013 đến nay.
- Ông Nguyễn Hữu Duy, Thành viên, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Chứng chỉ Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp và chứng chỉ CFA cấp độ 1. Ông từng giữ chức vụ Giám sát tài chính của Công ty APL-NOL Việt Nam từ tháng 8 năm 2001 đến tháng 8 năm 2009, Phó Phòng phụ trách Nghiên cứu đầu tư của Công ty CP Chứng khoán MBS từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 2 năm 2014, Quản lý phụ trách Dự án Ngân hàng Đầu tư của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 4 năm 2016, Trưởng phòng phân tích cổ phiếu của TVS từ tháng 8 năm 2016 đến nay.
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền, Thành viên, Cử nhân Kế toán Kiểm toán. Bà từng giữ chức vụ Chuyên viên Phân tích Thống kê thuộc Phòng Quản lý Đại lý của Công Ty TNHH BHNT Prudential Việt Nam từ tháng 11 năm 2001 đến tháng 2 năm 2007, Trưởng phòng Dịch vụ Khách hàng của Công ty Liên doanh Lafarge Xi Măng từ tháng 3 năm 2007 đến tháng 1 năm 2010, Trưởng phòng Cung ứng của Công ty CP Xi Măng Đỉnh Cao từ tháng 3 năm 2010 đến tháng 12 năm 2014, Trưởng phòng Cung ứng của chi nhánh TPHCM - Công ty TNHH Xi măng SCG Việt Nam từ tháng 1 năm 2015 đến tháng 11 năm 2020, Trưởng phòng Dịch vụ khách hàng của TVS từ tháng 5 năm 2021 đến nay.
- Bà Nguyễn Thị Anh Tú, Thành viên, Cử nhân Kế toán tài chính, Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp. Bà giữ chức vụ Kế toán tổng hợp của TVS từ tháng 7 năm 2007 đến tháng 5 năm 2016, Kế toán trưởng tại TVAM từ tháng 6 năm 2015 đến nay.
- Bà Bùi Thị Trang, Thành viên, Cử nhân Luật. Bà từng giữ chức vụ Cộng sự tại Chi nhánh Công ty Luật TNHH Tầm nhìn và Liên danh từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 3 năm 2023, Thành viên Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina từ tháng 2 năm 2023 đến nay, Chuyên viên pháp chế kiêm người phụ trách quản trị công ty của TVS từ tháng 6 năm 2023 đến nay.

Ban điều hành của Công ty Quản lý Quỹ gồm có:

- Ông Trần Vinh Quang, Cử nhân Tài chính, ACCA, CFA. Ông hiện là Tổng giám đốc của TVAM.
- Ông Nguyễn Duy Quang, Cử nhân Kinh tế. Ông hiện là Giám đốc Quản lý quỹ của TVAM.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

Nguyễn Duy Quang
Giám đốc Quản lý Quỹ
Chữ ký được ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 3

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi, Ngân hàng Giám sát Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3 cho năm tài chính 2024, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong năm tài chính, Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3 đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ đóng, Điều lệ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan.
b) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ đóng, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên, tại một số kỳ định giá, tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành (Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh, mã DXS) trên tổng tài sản của Quỹ vượt quá hạn mức tối đa 20%, chưa đảm bảo quy định tại khoản 1.b điều 10 của Điều lệ Quỹ và khoản 4.b điều 24 của Thông tư 98/2020/TT-BTC. Số liệu tỷ lệ đầu tư vào DXS trên tổng tài sản tại các kỳ định giá vượt mức cụ thể như sau: ngày 22/11/2024 tỷ lệ 20,11%, ngày 01/12/2024 tỷ lệ 20,12%, ngày 06/12/2024 tỷ lệ 20,02%, ngày 20/12/2024 tỷ lệ 20,20%. Các tỷ lệ trên đã được điều chỉnh về tỷ lệ dưới 20% trong thời hạn quy định.
c) Việc định giá, xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
d) Việc phát hành chứng chỉ quỹ: trong kỳ, Quỹ không thực hiện phát hành chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.
e) Về hoạt động phân phối lợi tức: ngày 02/05/2024, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt công bố thông tin Nghị quyết của Ban đại diện Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3 thông qua phương án chi trả lợi tức bằng tiền cho Nhà đầu tư. Tỷ lệ chi trả lợi tức là 10% (01 Chứng chỉ quỹ được nhận 1.000 đồng). Ngày đăng ký cuối cùng: 16/05/2024; ngày thanh toán: 03/06/2024.
f) Hoạt động khác: ngày 24/04/2024, Đại hội Nhà đầu tư thường niên của Quỹ đã được tổ chức thành công.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	NHÂN VIÊN GIÁM SÁT
Ông Nguyễn Mạnh Cường Phó Giám đốc	Ông Vũ Minh Chương

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 3

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3 ("Quỹ") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2024 và được Ban Đại diện Quỹ phê chuẩn ngày 27 tháng 3 năm 2025. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ, trang 14 đến trang 36.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty Quản lý Quỹ")

Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ đóng theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2005 về chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (28) 38230796, www.pwc.com/vn

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động và thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ đóng.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Nguyễn Hoàng Nam Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0849-2023-006-1 Chữ ký được ủy quyền	Đào Trọng Hoàng Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5620-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM16566
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2025

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 3

Mẫu số B 01 - QĐT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND
A.	**TÀI SẢN**			
110	1. Tiền gửi ngân hàng	5.1	6.398.236.232	19.472.851.867
120	2. Đầu tư chứng khoán	5.2	205.868.000.000	214.002.510.000
130	4. Phải thu hoạt động đầu tư	5.3	1.789.500.000	12.629.643.836
200	**TỔNG TÀI SẢN**		**214.055.736.232**	**246.105.005.703**
B.	**NGUỒN VỐN**			
300	**I. NỢ PHẢI TRẢ**		**6.010.836.979**	**5.377.866.498**
311	2. Phải trả hoạt động đầu tư	5.4	5.864.000.000	4.815.300.000
314	4. Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ		67.500.000	-
315	5. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	5.5	12.702.044	492.629.721
318	6. Phải trả khác	5.6	66.634.935	69.936.777
400	**II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**208.044.899.253**	**240.727.139.205**
410	1. Vốn góp của các nhà đầu tư	5.7	199.008.000.000	199.008.000.000
411	*1.1 Vốn góp*	*5.7*	*199.008.000.000*	*199.008.000.000*
420	2. Kết quả hoạt động chưa phân phối	5.8	9.036.899.253	41.719.139.205
430	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**214.055.736.232**	**246.105.005.703**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND
Chứng khoán theo mệnh giá	122.300.000.000	146.038.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Duy Quang
Chữ ký được ủy quyền
Giám đốc Quản lý Quỹ
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Phạm Uyên Vy
Người lập

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 36 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 3

Mẫu số B 02 - QĐT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	2023 VND
A.	**XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN**			
10	**I. (Lỗ)/thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện**		**(4.208.681.070)**	**26.280.473.350**
11	1. Cổ tức được nhận	6.1	3.003.060.000	4.890.000.000
12	2. Lãi trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi được nhận	6.2	293.835.616	837.726.027
13	3. Lãi tiền gửi	7(a)	13.146.069	213.272.991
14	4. (Lỗ)/thu nhập bán chứng khoán	6.3	(7.518.722.755)	20.339.474.332
30	**II. Chi phí**		**(3.650.521.185)**	**(4.067.301.306)**
31	1. Phí quản lý quỹ	7(a)	(2.278.630.323)	(2.604.752.486)
32	2. Phí lưu ký, giám sát quỹ	7(a)	(303.521.901)	(317.950.499)
34	4. Chi phí kiểm toán		(88.000.000)	(80.000.000)
38	6. Phí và chi phí khác	6.4	(980.368.961)	(1.064.598.321)
50	**III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong năm**		**(7.859.202.255)**	**22.213.172.044**
B.	**XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHƯA THỰC HIỆN**			
60	**I. Thu nhập**		**(432.828.399)**	**2.640.795.540**
61	1. (Lỗ)/thu nhập do chênh lệch tăng từ đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán	5.2	(432.828.399)	2.640.795.540
70	**II. Chi phí**		**(4.489.409.298)**	**33.462.834.438**
71	1. (Lỗ)/hoàn nhập do chênh lệch giảm từ đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán	5.2	(4.489.409.298)	33.462.834.438
80	**III. Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện cuối năm**		**(4.922.237.697)**	**36.103.629.978**
90	**(Lỗ)/lợi nhuận trong năm**		**(12.781.439.952)**	**58.316.802.022**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Duy Quang
Giám đốc Quản lý Quỹ
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Phạm Uyên Vy
Người lập

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 36 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 3

Mẫu số B 05 - QĐT

BÁO CÁO TÀI SẢN

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND
1	**Tiền**	**6.398.236.232**	**19.472.851.867**
2	**Các khoản đầu tư**	**205.868.000.000**	**214.002.510.000**
2.1	Trái phiếu	-	10.000.000.000
2.1.1	*Trái phiếu chưa niêm yết*	-	*10.000.000.000*
2.2	Cổ phiếu	205.868.000.000	204.002.510.000
2.2.1	*Cổ phiếu niêm yết*	*205.868.000.000*	*204.002.510.000*
3	**Cổ tức được nhận**	**-**	**235.000.000**
4	**Lãi được nhận**	**-**	**211.643.836**
5	**Tiền bán chứng khoán phải thu**	**1.789.500.000**	**12.183.000.000**
	Tổng tài sản	**214.055.736.232**	**246.105.005.703**
6	**Tiền phải thanh toán mua chứng khoán**	**5.864.000.000**	**4.815.300.000**
7	**Phải trả khác**	**146.836.979**	**562.566.498**
	Tổng nợ	**6.010.836.979**	**5.377.866.498**
	Giá trị tài sản ròng của Quỹ	**208.044.899.253**	**240.727.139.205**
8	**Tổng số chứng chỉ quỹ**	**19.900.800**	**19.900.800**
9	**Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ**	**10.454**	**12.096**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Duy Quang
Giám đốc Quản lý Quỹ
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Phạm Uyên Vy
Người lập

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 36 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 3

Mẫu số B 06 - QĐT

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

STT	Chỉ tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	2023 VND
I	**Giá trị tài sản ròng đầu năm**	**240.727.139.205**	**182.410.337.183**
II	**Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm**	**(32.682.239.952)**	**58.316.802.022**
	Trong đó:		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong năm	(12.781.439.952)	58.316.802.022
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong năm	(19.900.800.000)	-
III	**Giá trị tài sản ròng cuối năm**	**208.044.899.253**	**240.727.139.205**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Duy Quang
Chữ ký được ủy quyền
Giám đốc Quản lý Quỹ
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Phạm Uyên Vy
Người lập

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 36 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 3

Mẫu số B 07 - QĐT

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

STT	Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2024 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
I	**Cổ phiếu niêm yết**			**205.868.000.000**	**96,17**
1	BID	40.000	37.550	1.502.000.000	0,70
2	DXG	1.140.000	15.600	17.784.000.000	8,31
3	DXS	5.540.000	7.200	39.888.000.000	18,63
4	HCM	170.000	29.400	4.998.000.000	2,33
5	HPG	1.220.000	26.650	32.513.000.000	15,19
6	HSG	1.030.000	18.450	19.003.500.000	8,88
7	PVD	1.340.000	23.400	31.356.000.000	14,65
8	SSI	710.000	26.050	18.495.500.000	8,64
9	VCB	100.000	91.200	9.120.000.000	4,26
10	VCI	940.000	33.200	31.208.000.000	14,58
III	**Tài sản khác**			**1.789.500.000**	**0,84**
1	Phải thu bán chứng khoán			1.789.500.000	0,84
IV	**Tiền**			**6.398.236.232**	**2,99**
1	Tiền gửi ngân hàng			6.398.236.232	2,99
V	**Tổng giá trị danh mục**			**214.055.736.232**	**100,00**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Duy Quang
Giám đốc Quản lý Quỹ
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Phạm Uyên Vy
Người lập

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 19 đến trang 36 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 3

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3 ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đại chúng dạng đóng theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số 35/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 16 tháng 8 năm 2021. Theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập này, Quỹ được phép phát hành 19.900.800 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá của một chứng chỉ quỹ là 10.000 Đồng Việt Nam. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là 5 năm.

Chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3 được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán FUCTVGF3 theo Quyết định 552/QĐ-SGDHCM ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và chính thức giao dịch từ ngày 27 tháng 10 năm 2021.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV"): hàng tuần.

Hoạt động của Quỹ không bị ảnh hưởng bởi tính thời vụ.

Quỹ không có nhân viên và do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty Quản lý Quỹ") quản lý. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành ("Ngân hàng Giám sát") được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ.

Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư

Mục tiêu của Quỹ là tìm kiếm sự gia tăng giá trị tài sản bằng chiến lược đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các doanh nghiệp Việt Nam có hoạt động kinh doanh cốt lõi bền vững, tiềm năng tăng trưởng tốt và đang được định giá hợp lý so với bình quân thị trường. Đối tượng đầu tư chủ yếu là cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam và đăng ký giao dịch trên UPCoM, doanh nghiệp OTC sắp niêm yết. Quỹ dự định phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng để có thể đạt được lợi nhuận trên mức trung bình của thị trường với mức rủi ro có thể chấp nhận được. Tùy thuộc vào tình hình thị trường, Quỹ có thể phân bổ một phần NAV vào tài sản có thu nhập cố định như tiền gửi, trái phiếu Chính phủ.

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ và Bản cáo bạch.

NAV trên một CCQ

NAV trên một CCQ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ trên Bảng cân đối kế toán cho số lượng chứng chỉ quỹ đã phát hành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ tổng nợ phải trả.

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"), cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Quỹ.

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ đóng theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2005 về chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả hoạt động và thay đổi giá trị tài sản ròng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động
3. Báo cáo tài sản
4. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng
5. Báo cáo danh mục đầu tư
6. Thuyết minh các báo cáo tài chính

3.2 Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các khoản đầu tư

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch. Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Quỹ có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.1 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục *"Đầu tư chứng khoán"*. Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục *"Phải thu hoạt động đầu tư"* trên bảng cân đối kế toán.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Đầu tư chứng khoán" trên Bảng cân đối kế toán theo giá trị hợp lý/giá trị đánh giá lại. Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản lãi dự thu lũy kế của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu hoạt động đầu tư" trên Bảng cân đối kế toán.

Đánh giá lại

Phương pháp đánh giá lại khoản đầu tư được áp dụng theo Sổ tay Định giá được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Cụ thể như sau:

(a) Cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán; cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM

Các khoản đầu tư vào cổ phiếu đã niêm yết được đánh giá theo giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Các khoản đầu tư vào cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM được đánh giá theo giá bình quân gia quyền của các giá giao dịch thực hiện theo phương pháp khớp lệnh liên tục của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá, và trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.1 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đánh giá lại (tiếp theo)

(b) Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:

(i) Giá trị trung bình của các giao dịch thành công tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan.

(ii) Trường hợp giá nêu tại điểm (i) nêu trên không xác định được, các cổ phiếu này được định giá là một trong các mức giá sau:

- Giá trung bình từ hai (2) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan; hoặc
- Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (3) tháng tính đến ngày định giá; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

(c) Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Mệnh giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

(d) Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:

- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

(e) Trái phiếu niêm yết

(i) Các trái phiếu này được định giá căn cứ vào giá yết (giá sạch) theo quy chế của sở giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế).

(ii) Các trái phiếu không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức sau:

- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.1 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

***Đánh giá lại* (tiếp theo)**

(f) Trái phiếu không niêm yết

Trái phiếu không niêm yết được định giá bằng giá mua cộng lãi dự thu lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

(g) Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng

Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng được định giá bằng giá mua cộng lãi dự thu lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

(h) Tiền gửi có kỳ hạn

Tiền gửi có kỳ hạn được định giá bằng giá trị tiền gửi cộng lãi dự thu lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

Thu nhập hoặc chi phí do đánh giá lại khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được đánh giá lại hàng tuần theo kỳ định giá NAV của Quỹ. Giá trị tăng và giá trị giảm của mỗi kỳ định giá được ghi nhận trên cơ sở cộng gộp và không bù trừ. Các khoản thu nhập hoặc chi phí chưa thực hiện trong kỳ là số chênh lệch giữa giá trị tăng hoặc giá trị giảm do đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các khoản phải thu khác.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí trong năm tài chính. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ sau khi được Ban Đại diện Quỹ thông qua.

4.4 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm khoản phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

4.5 Vốn góp của nhà đầu tư

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 Đồng.

Kết quả hoạt động chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN"). Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho các cá nhân và tổ chức đầu tư trong các giao dịch sau:

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78/2014/TT-BTC") và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111/2013/TT-BTC") cùng các thông tư sửa đổi, bổ sung và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài Chính về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư trong nước, tổ chức đầu tư trong nước chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế phát sinh (nếu có) từ khoản cổ tức đó. Khi Quỹ trả cổ tức cho tổ chức đầu tư nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần khấu trừ thuế TNDN cổ tức được phân phối (ngoại trừ phần cổ tức được phân phối đã chịu thuế TNDN ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành).

Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân (cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn bằng 5% cổ tức được phân phối.

4.7 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra và việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong năm.

4.8 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu và thu nhập được ghi nhận khi Quỹ nhận được các lợi ích kinh tế một cách chắc chắn.

Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Thu nhập được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Doanh thu và thu nhập (tiếp theo)

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Chênh lệch tăng hoặc giảm khi đánh giá lại chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở cộng gộp và không bù trừ.

Lãi hoặc lỗ từ thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh là khoản chênh lệch giữa giá bán chưa trừ phí bán và giá vốn của chứng khoán kinh doanh được thanh lý, nhượng bán. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động tại thời điểm bán.

4.9 Các khoản chi phí

Chi phí được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và theo nguyên tắc thận trọng. Chi phí của Quỹ chủ yếu bao gồm phí quản lý quỹ, phí giám sát, phí lưu ký xử lý hồ sơ và phí giao dịch chứng khoán. Ngoài ra, Quỹ có thể phát sinh phí thưởng hoạt động trả cho Công ty Quản lý Quỹ.

4.10 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những cá nhân quản lý chủ chốt, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những quỹ liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Quỹ căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4.11 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Quỹ tham gia vào hoạt động đầu tư (bộ phận chia theo hoạt động) hoặc đầu tư trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý).

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Quỹ chỉ bao gồm một lĩnh vực kinh doanh là đầu tư chứng khoán theo mục tiêu và chính sách đầu tư được đề cập trong Điều lệ Quỹ.

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Quỹ được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Các công ty được đầu tư trong danh mục của Quỹ cũng được thành lập và hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Quỹ không chịu tác động trọng yếu bởi những khác biệt về thị trường hay khu vực địa lý. Theo đó, Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ nhận định là Quỹ chỉ có một bộ phận chia theo khu vực địa lý.

4.12 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

4.13 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền gửi không kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng Giám sát.

5.2 Đầu tư chứng khoán

Tất cả các công ty được đầu tư như trên Báo cáo danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 4.1, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

		Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị hợp lý/ Giá trị đánh giá lại
	Giá mua VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	tại ngày 31/12/2024 VND
Cổ phiếu niêm yết	**223.261.642.019**	**2.207.967.141**	**(19.601.609.160)**	**205.868.000.000**

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

		Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị hợp lý/ Giá trị đánh giá lại
	Giá mua VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	tại ngày 31/12/2023 VND
Cổ phiếu niêm yết	216.473.914.322	2.640.795.540	(15.112.199.862)	204.002.510.000
Trái phiếu chưa niêm yết (i)	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
	226.473.914.322	**2.640.795.540**	**(15.112.199.862)**	**214.002.510.000**
Chênh lệch do đánh giá lại các khoản đầu tư		**(432.828.399)**	**(4.489.409.298)**	

(i) Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội phát hành, có kỳ hạn gốc 7 năm, với lãi suất thả nổi được xác định bởi lãi suất tham chiếu cộng 1,7%/năm và lãi trả hàng năm.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.3 Phải thu hoạt động đầu tư

	Tại ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải thu bán chứng khoán	1.789.500.000	12.183.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank	*1.789.500.000*	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	-	*7.083.000.000*
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh	-	*5.100.000.000*
Phải thu cổ tức	-	235.000.000
Phải thu lãi trái phiếu	-	211.643.836
	1.789.500.000	12.629.643.836

5.4 Phải trả hoạt động đầu tư

	Tại ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải trả mua chứng khoán		
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	*3.082.000.000*	*2.802.500.000*
Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank	*1.546.000.000*	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	-	*1.113.000.000*
Bên liên quan (Thuyết minh 7(b))	*1.236.000.000*	*899.800.000*
	5.864.000.000	4.815.300.000

5.5 Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát

	Tại ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải trả phí lưu ký cố định (Thuyết minh 7(b))	8.671.662	10.050.109
Phải trả phí lưu ký xử lý hồ sơ (Thuyết minh 7(b))	2.296.050	5.099.490
Phải trả phí giám sát (Thuyết minh 7(b))	1.734.332	2.010.022
Phải trả phí thưởng hoạt động (Thuyết minh 7(b))	-	475.470.100
	12.702.044	492.629.721

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.6 Phải trả khác

	Tại ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải trả phí kiểm toán	44.000.000	40.000.000
Phải trả phí giao dịch	11.480.253	25.497.450
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.500.000	-
Phải trả phí dịch vụ lưu ký cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC")	3.654.682	4.439.327
	66.634.935	69.936.777

5.7 Vốn góp của các nhà đầu tư

	Tại ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Vốn góp đầu và cuối năm	199.008.000.000	199.008.000.000

Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 Đồng/chứng chỉ quỹ. Tất cả chứng chỉ quỹ đều có cùng các quyền, bao gồm các quyền về quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được hoàn vốn và các quyền khác ngang nhau. Mỗi chứng chỉ quỹ đã phát hành và góp vốn đủ tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

5.8 Kết quả hoạt động chưa phân phối

	Tại ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Số dư đầu năm	41.719.139.205	(16.597.662.817)
(Lỗ)/lãi trong năm	(12.781.439.952)	58.316.802.022
Phân phối lợi nhuận trong năm (*)	(19.900.800.000)	-
Số dư cuối năm	9.036.899.253	41.719.139.205

(*) Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức vào ngày 24 tháng 4 năm 2024 đã thông qua quyết định thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 10%/mệnh giá, tương đương 1.000 Đồng/chứng chỉ quỹ. Theo đó, Quỹ đã tiến hành chi trả lợi nhuận vào ngày 3 tháng 6 năm 2024 với tổng số tiền là 19.900.800.000 Đồng.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

6.1 Cổ tức được nhận

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Cổ tức đã nhận	3.003.060.000	4.655.000.000
Dự thu cổ tức	-	235.000.000
	3.003.060.000	4.890.000.000

6.2 Lãi trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi được nhận

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Tiền lãi đã nhận	293.835.616	626.082.191
Dự thu tiền lãi	-	211.643.836
	293.835.616	837.726.027

6.3 Thu nhập bán chứng khoán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán trong năm VND
Cổ phiếu niêm yết	273.542.455.000	280.605.495.303	(7.063.040.303)
Trái phiếu	9.544.317.548	10.000.000.000	(455.682.452)
	283.086.772.548	290.605.495.303	(7.518.722.755)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán trong năm VND
Cổ phiếu niêm yết	297.816.845.000	276.446.493.978	21.370.351.022
Cổ phiếu chưa niêm yết	13.740.000.000	14.516.000.000	(776.000.000)
Chứng chỉ tiền gửi	10.728.219.200	10.983.095.890	(254.876.690)
	322.285.064.200	301.945.589.868	20.339.474.332

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

6.4 Phí và chi phí khác

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024	**2023**
	VND	**VND**
Phí giao dịch mua chứng khoán	426.266.174	458.582.664
Phí giao dịch bán chứng khoán	403.814.864	464.725.903
Thù lao của Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 7(a)(iv))	75.000.000	75.000.000
Phí dịch vụ lưu ký trả cho VSDC	46.579.359	42.746.414
Phí và chi phí khác	28.708.564	23.543.340
	980.368.961	1.064.598.321

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm tài chính, các nghiệp vụ chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

(i) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt, Công ty Quản lý Quỹ

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024	**2023**
	VND	**VND**
Phí quản lý quỹ	2.278.630.323	2.604.752.486
- *Phí quản lý Quỹ hàng năm*	*2.278.630.323*	*2.129.282.386*
- *Phí thưởng hoạt động*	-	*475.470.100*
Chia lợi nhuận Quỹ	1.250.000.000	-

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được hưởng phí quản lý Quỹ hàng năm và phí thưởng hoạt động. Phí quản lý Quỹ được tính hàng tháng và bằng một phần mười hai của một phần trăm (1%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào thời điểm đầu mỗi tháng. Mức thưởng hoạt động được tính vào cuối năm và bằng 20% phần vượt trội của tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ trong năm tài chính. Thưởng hoạt động chỉ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị ròng của Quỹ cao hơn 8% trong năm tài chính.

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

(ii) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Thành, Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	**2023 VND**
Phí lưu ký, giám sát Quỹ	303.521.901	317.950.499
- Phí lưu ký xử lý hồ sơ (*)	*168.434.443*	*187.253.940*
- Phí lưu ký cố định (**)	*112.572.881*	*108.913.799*
- Phí giám sát (**)	*22.514.577*	*21.782.760*
Lãi tiền gửi	13.146.069	213.272.991

Quỹ đã chỉ định Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Thành làm Ngân hàng Giám sát. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát khoản phí giám sát, phí lưu ký cố định và phí lưu ký xử lý hồ sơ.

(*) Phí này được tính dựa trên giá trị giao dịch và thu tại ngày thanh toán giao dịch phát sinh. Tỷ lệ phí giao dịch được xác định như sau:

	Đối với giao dịch cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	**Đối với giao dịch trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch**
Tỷ lệ phí	0,03% giá trị giao dịch Tối đa 10 triệu Đồng/ngày giao dịch	0,0075% giá trị giao dịch Tối đa 5 triệu Đồng/ngày giao dịch

(**) Các phí này được tính hàng tháng dựa trên số ngày thực tế trong kỳ định giá và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá.

Tỷ lệ phí giám sát và phí lưu ký cố định trong năm tài chính lần lượt như sau:

	Phí giám sát Quỹ	**Phí lưu ký cố định**
Tỷ lệ phí	0,01% NAV/năm	0,05% NAV/năm

(iii) Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt, công ty mẹ của Công ty Quản lý Quỹ

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	**2023 VND**
Phí giao dịch mua bán chứng khoán	137.050.901	100.129.428
Chia lợi nhuận Quỹ	1.290.000.000	-

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

(iv) Ban Đại diện Quỹ

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	**2023 VND**
Thù lao của Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 6.4) (*)	75.000.000	75.000.000
Chia lợi nhuận Quỹ cho thành viên Ban Đại diện Quỹ	2.000.200.000	-

(*) Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2024 đã thông qua mức thù lao cho Ban Đại diện Quỹ năm 2024 là 75 triệu Đồng. Quỹ sẽ ghi nhận chi phí này trong báo cáo kết quả hoạt động. Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu trong hợp đồng.

(b) Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan tại ngày báo cáo như sau :

	Tại ngày	
	31/12/2024 VND	**31/12/2023 VND**
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt		
Vốn góp	-	12.500.000.000
Phải trả phí thưởng hoạt động (Thuyết minh 5.5)	-	475.470.100
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Thành		
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ (Thuyết minh 5.1)	6.398.236.232	19.472.851.867
Phí lưu ký cố định phải trả (Thuyết minh 5.5)	8.671.662	10.050.109
Phí lưu ký xử lý hồ sơ Quỹ phải trả (Thuyết minh 5.5)	2.296.050	5.099.490
Phí giám sát Quỹ phải trả (Thuyết minh 5.5)	1.734.332	2.010.022
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt		
Vốn góp	25.400.000.000	12.900.000.000
Phải trả hoạt động đầu tư (Thuyết minh 5.4)	1.236.000.000	899.800.000
Phí giao dịch phải trả	1.854.003	1.349.700
Thành viên Ban Đại diện Quỹ		
Vốn góp	20.002.000.000	20.002.000.000
Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	67.500.000	-

8 MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

(a) Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư

	Tại ngày/Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2024	31/12/2023
	%	%
1. Tỷ lệ các loại chứng khoán/Tổng giá trị tài sản	96,17	86,95
2. Tỷ lệ các loại cổ phiếu/Tổng giá trị tài sản	96,17	82,89
3. Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết/Tổng giá trị tài sản	96,17	82,89
4. Tỷ lệ các loại cổ phiếu không niêm yết/Tổng giá trị tài sản	-	-
5. Tỷ lệ các loại trái phiếu/Tổng giá trị tài sản	-	4,06
6. Tỷ lệ các loại chứng khoán khác/Tổng giá trị tài sản	-	-
7. Tỷ lệ tiền/Tổng giá trị tài sản	2,99	7,91
8. Tỷ lệ thu nhập bình quân/Tổng giá trị tài sản	(2,02)	13,30
9. Tỷ lệ chi phí bình quân/Tổng giá trị tài sản (*)	3,54	(13,52)

(*) Chi phí bình quân bao gồm chi phí hoạt động của Quỹ và chi phí/(hoàn nhập chi phí) do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán.

(b) Các chỉ số thị trường

	Tại ngày/Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2024	31/12/2023
1. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	19.900.800	19.900.800
2. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("TVAM") và bên liên quan (%)	22,81	22,81
3. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất (%)	90,00	90,00
4. Tỷ lệ giao dịch chứng chỉ quỹ so với tổng số chứng chỉ quỹ trong năm (%)	7,66	0,01
5. Giá trị đơn vị quỹ (VND)	10.454	12.096
6. Số lượng chứng chỉ quỹ TVAM đang sở hữu	-	1.250.000

9 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế về trình bày và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh, trong đó bao gồm các chính sách quản lý rủi ro tài chính và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Quỹ có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính bao gồm: rủi ro tín dụng; rủi ro thanh khoản; và rủi ro thị trường.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm chứng khoán niêm yết và tiền gửi ngân hàng. Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Ngân hàng Giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

9 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư vào tài sản có thu nhập cố định và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi không kỳ hạn được gửi tại tổ chức tín dụng mà Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ hoạt động của tổ chức tín dụng này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ không nắm giữ trái phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ nắm giữ trái phiếu của tổ chức tín dụng có mức độ tín nhiệm cao nên rủi ro tín dụng được đánh giá là thấp.

Chứng khoán đầu tư của Quỹ chỉ được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số tín dụng được quy định. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán được thanh toán hoặc chi trả vào thời điểm chuyển giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán, việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm các khoản phải thu từ bán chứng khoán niêm yết. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu này được đánh giá thấp do các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn và khoản phải thu có thời hạn thanh toán ngắn.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao, bao gồm tiền và chứng khoán niêm yết, nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, tất cả các khoản nợ phải trả của Quỹ có thời hạn thanh toán dưới 1 năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

9 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Quỹ nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất và giá thị trường.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro này phát sinh khi lãi suất thị trường tăng thì những khoản đầu tư có thu nhập cố định của Quỹ bị giảm giá trị, đặc biệt là những khoản đầu tư có thời gian đáo hạn dài.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ không chịu rủi ro lãi suất do Quỹ không có các khoản đầu tư hưởng lãi suất cố định. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ do Quỹ nắm giữ trái phiếu có lãi suất thả nổi theo biên độ.

Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn rủi ro của Quỹ.

Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nếu giá chứng khoán tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ cao hơn/thấp hơn 2.058.680.000 Đồng tương ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2.140.025.100 Đồng).

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính của Quỹ bao gồm:

- Tiền
- Công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác;
- Quyền theo hợp đồng để:
  - Nhận tiền mặt hoặc tài sản tài chính khác từ đơn vị khác; hoặc
  - Trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện có thể có lợi cho Quỹ;
- Hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Quỹ.

9 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính của Quỹ là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Quỹ hoặc là các hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Quỹ.

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính hiện chưa được đề cập trong các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC, Thông tư 98/2020/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ đóng.

Do đó, Quỹ áp dụng phương pháp định giá tài sản ròng theo Điều lệ Quỹ và Sổ tay Định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt để xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính khác và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định bằng giá trị ghi sổ do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ bằng với giá trị hợp lý/giá trị đánh giá lại của Quỹ.

10 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính.

11 PHÊ CHUẨN PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Ban Đại diện Quỹ phê chuẩn để phát hành vào ngày 27 tháng 3 năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Duy Quang
Giám đốc Quản lý Quỹ
Chữ ký được ủy quyền

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Phạm Uyên Vy
Người lập

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng